

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TỈNH BẾN TRE

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 749/BC-HĐND

Bến Tre, ngày 29 tháng 11 năm 2017

**BÁO CÁO TÓM TẮT**

**Các báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách  
tại kỳ họp thứ 6, Hội đồng nhân dân tỉnh, Khóa IX**

**I. Kết quả thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế-xã hội năm 2017 và nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế-xã hội năm 2018 (lĩnh vực kinh tế)**

**1. Kết quả thực hiện Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế năm 2017:**

**1.1. Thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:**

Thống nhất với báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2017 ước đạt 6,7%, trong đó khu vực I (Nông-Lâm-Thủy sản) tăng 3,2%; khu vực II (Công nghiệp-Xây dựng) tăng 9,9 %; khu vực III (Thương mại-Dịch vụ) tăng 8,1%. Trong 24 chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu đề ra năm 2017, dự kiến thực hiện đạt và vượt 21 chỉ tiêu, còn 03 chỉ tiêu là: GRDP bình quân đầu người; tổng vốn đầu tư toàn xã hội và chỉ tiêu an toàn giao thông không đạt nghị quyết

**1.2. Kết quả thực hiện trên từng lĩnh vực**

*a. Lĩnh vực Nông-lâm-thủy sản (khu vực I):*

Sau đợt hạn mặn năm 2016, sản xuất nông nghiệp đã phục hồi và phát triển trở lại, năm 2017 giá trị tăng thêm khu vực I ước đạt 3,2% (so nghị quyết 2%), trong đó sản xuất Nông nghiệp ước tăng trưởng 2,2% và thủy sản tăng trưởng 5,3%.

Bên cạnh những kết quả đạt được, phát triển Nông nghiệp tỉnh nhà còn rất nhiều khó khăn như: Hệ thống hạ tầng cho sản xuất Nông nghiệp chưa được đầu tư hoàn chỉnh nhất là hệ thống thủy lợi, thời tiết diễn biến bất thường do biến đổi khí hậu; dịch bệnh trên cây trồng vật nuôi diễn biến phức tạp, giá cả thị trường nông sản luôn biến động, trình độ sản xuất nông nghiệp còn thấp, chất lượng hàng nông-thủy sản chưa đáp ứng yêu cầu thị trường, sức cạnh tranh hàng hóa không cao, trong năm 2017 giá nhiều mặt hàng nông sản bấp bênh như: lúa, heo, bò, gà giá xuống thấp, người chăn nuôi bị lỗ nặng.

Do đặc điểm sản xuất nhỏ, manh mún, chưa tổ chức lại sản xuất hàng hóa theo qui mô lớn hướng vào thị trường, cung cầu và yêu cầu sản xuất sạch của thị trường còn là rào cản lớn nhất đối với hàng hóa nông - thủy sản Bến Tre khi hội nhập vào thị trường trong nước, khu vực và thế giới.

Nhiệm vụ tái cơ cấu Nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị tăng thêm, phát triển bền vững bước đầu mới hình thành vùng sản xuất với cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi phù hợp để cho năng suất cao hơn nhưng chưa phải là hiệu quả hơn vì chưa tạo được liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Phong trào phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã còn nhiều yếu kém, tổ hợp tác, hợp tác xã chưa đóng vai trò trung tâm để liên kết Nông dân tổ chức lại sản xuất theo thị trường và liên kết với Doanh nghiệp cung ứng đầu vào cho sản xuất, liên kết đầu ra tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp nhằm phát triển chuỗi giá trị sản phẩm.

Mô hình liên kết giữa Nông dân và các tổ chức của Nông dân với doanh nghiệp trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm còn nhiều bất cập, không bền vững. Chưa xây dựng hoàn chỉnh cánh đồng lớn liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đúng theo qui định, vì vậy cũng chưa xây dựng được chuỗi giá trị sản phẩm thực chất có hiệu quả và bền vững.

Không còn lựa chọn nào khác, Nông nghiệp Bến Tre phải là ngành nông nghiệp sản xuất hàng hóa theo thị trường, sản xuất với trình độ kỹ thuật cao hơn và sản xuất có liên kết tiêu thụ sản phẩm, sản xuất theo chuỗi giá trị.

Để đạt mục tiêu trên, Ban kinh tế ngân sách kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm hơn trong chỉ đạo các sở, ngành chức năng, địa phương tập trung vào một số nhiệm vụ sau:

- Phát triển phong trào kinh tế hợp tác, hợp tác xã để liên kết nông dân sản xuất hàng hóa với qui mô lớn hơn và sản xuất theo yêu cầu thị trường.

- Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp-nông thôn liên kết với nông dân tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Xây dựng cánh đồng lớn liên kết làm cơ sở thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư và phát triển chuỗi sản phẩm chủ lực, bền vững nhằm thực hiện đạt mục tiêu tái cơ cấu nông nghiệp tỉnh nhà, lồng ghép xây dựng thành công xã nông thôn mới.

#### *b. Xây dựng xã nông thôn mới:*

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng xã nông thôn mới được các ngành, các cấp quan tâm thực hiện, đến nay có 21 xã đạt chuẩn được công nhận xã nông thôn mới; 04 xã đạt 15-18 tiêu chí; 54 xã đạt 10-14 tiêu chí; 68 xã đạt 5-9 tiêu chí, trung bình đạt tiêu chí trên một xã là 10,86 tiêu chí, riêng 09 xã đăng ký xây dựng để được công nhận xã nông thôn mới năm 2017 đến nay chỉ đạt từ 11-17 tiêu chí.

Nhìn chung cuộc vận động toàn dân thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng xã nông thôn mới phát triển và có sức lan tỏa rộng, tạo sự phát triển không ngừng về đời sống vật chất và tinh thần cho người dân trong nông thôn.

Tuy nhiên, tiến độ xây dựng xã nông thôn mới còn chậm, xử lý nợ tiêu chí, nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng xã nông thôn mới chuyển biến chưa rõ nét. Việc nâng chất và phát huy tiêu chí nông thôn mới tại các xã được công nhận

chưa được quan tâm thường xuyên, nhiều xã nông thôn mới chưa trả nợ tiêu chí hộ nghèo và có những tiêu chí biểu hiện sa sút như: hình thức tổ chức sản xuất (tiêu chí 13), tiêu chí môi trường (17); tiêu chí (19) an ninh trật tự.

Để phát huy và nâng chất 19 tiêu chí tại các xã đã đạt chuẩn Nông thôn mới, Ủy ban nhân dân tỉnh cần rà soát và có kế hoạch chỉ đạo tập trung phát huy nâng chất 19 tiêu chí và nâng cao chất lượng công nhận xã nông thôn mới.

### *c. Sản xuất Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp (khu vực II):*

Giá trị tăng thêm khu vực công nghiệp xây dựng ước đạt 9,9% (nghị quyết 11,3%); trong đó ngành công nghiệp tăng 9,3%, ngành xây dựng tăng 12,9%.

Sản xuất công nghiệp tăng trưởng khá, ước giá trị sản xuất Công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp đạt 24.800 tỷ đồng tăng 13,3% so cùng kỳ. Đầu tư lấp đầy hơn 95% diện tích khu công nghiệp tỉnh, đang tiếp tục kêu gọi đầu tư vào các cụm công nghiệp ở địa phương. Tăng trưởng khu vực II góp phần vào tăng trưởng kinh tế chung toàn tỉnh, có tác động tích cực đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa.

Bên cạnh những kết quả đạt được, phát triển công nghiệp của tỉnh cũng còn những hạn chế như sau:

- Các sản phẩm công nghiệp chủ lực tăng trưởng không đều, còn một số mặt hàng giảm thấp ước không đạt kế hoạch như chỉ xơ dừa, thuốc lá điếu, cơm dừa nạo sấy.

- Giá trị kim ngạch xuất khẩu tuy đạt kế hoạch, nhưng trong đó giá trị kim ngạch xuất khẩu của doanh nghiệp FDI chiếm 63,56% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của toàn tỉnh, qua khảo sát thấy phần lớn doanh nghiệp FDI nhập nguyên liệu từ bên ngoài về sản xuất gia công tạo sản phẩm xuất khẩu, nên phần lớn giá trị kim ngạch xuất khẩu của doanh nghiệp FDI cũng không ảnh hưởng tích cực đến tăng trưởng khu vực II.

- Tiến độ đầu tư một số dự án trong khu công nghiệp chậm còn nhiều dự án đang xây dựng, đang lập thủ tục đầu tư, xây dựng hạ tầng trong và ngoài khu công nghiệp thiếu đồng bộ, chưa hoàn thiện còn ngập úng cục bộ vào mùa mưa. Quy mô đầu tư dự án ở mức vừa và nhỏ, công nghiệp chưa tạo được thế đột phá trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng nâng cao chất lượng và hiệu quả.

- Tiến độ xây dựng hạ tầng và kêu gọi lấp đầy cụm công nghiệp chậm, thiếu đồng bộ và không có quỹ đất sạch để kêu gọi đầu tư.

### *d. Thương mại dịch vụ (khu vực III)*

Thông nhất với báo cáo về giá trị tăng thêm khu vực thương mại-dịch vụ ước đạt 8,1%, đạt theo nghị quyết, hoạt động thương mại tăng trưởng khá. Thương mại nội địa có tăng trưởng đáp ứng tốt cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng trong dân. Hệ thống hạ tầng chợ được quan tâm đầu tư ngày một khang trang, đáp ứng yêu cầu mua bán của nhân dân tốt hơn. Thương mại tuy có phát triển nhưng còn nhiều hạn chế yếu kém, hệ thống thu gom, thoát nước mưa ở nhiều chợ nông thôn

không tốt, còn sinh lây vào mùa mưa gây ô nhiễm môi trường, nhiều chợ chưa đảm bảo yêu cầu vệ sinh minh theo tiêu chí chợ nông thôn mới.

Phát triển chợ tự phát đang diễn ra khá phổ biến ở nhiều nơi nhất là ở khu vực nông thôn, nhóm chợ tại ngã tư, ngã ba ven bên đường gây mất an toàn giao thông và ô nhiễm môi trường.

Vận chuyển, mua bán hàng cấm, gian lận thương mại còn diễn biến phức tạp gây thiệt hại lớn cho người tiêu dùng và ngân sách nhà nước.

#### *e. Quản lý tài nguyên và môi trường:*

Thống nhất với báo cáo về những kết quả đạt được trong quản lý nhà nước đối với lĩnh vực tài nguyên và môi trường, từng bước ổn định quản lý đất đai theo qui hoạch, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, cá nhân đạt 94,5%, đất công được xác lập hồ sơ quản lý, công tác quản lý tài nguyên, môi trường ngày một tốt hơn đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế xã hội.

Tuy nhiên trong lĩnh vực này cũng còn nhiều hạn chế:

- Quản lý đất công, đất bãi bồi ven sông, ven biển chưa tốt, còn một bộ phận đất công bị chiếm hữu sử dụng trái pháp luật nhưng chưa xử lý được, thiếu kiểm tra, quản lý các tổ chức, cá nhân trong việc sử dụng đất, cho thuê đất, thuê mặt nước nuôi thủy sản đã vi phạm pháp luật về đất đai.

- Ô nhiễm môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, tại các bãi rác ứ đọng, ô nhiễm mùi hôi trong vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm, ô nhiễm tại các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, chợ, sản xuất nông nghiệp, ô nhiễm tại khu dân cư, vấn đề nhiễm bẩn nông sản thực phẩm, nhiều vấn đề đang vượt ra tầm kiểm soát là mối đe dọa nghiêm trọng đến chất lượng cuộc sống của cộng đồng dân cư. Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành chức năng cần quyết liệt hơn nữa trong quản lý kiểm soát ô nhiễm môi trường.

## **2. Nhiệm vụ phát triển kinh tế năm 2018:**

Thống nhất với mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề ra trong báo cáo. Ban kinh tế - ngân sách đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm thêm một số nội dung nhiệm vụ sau:

- Tập trung nguồn lực đầu tư phục hồi phát triển sản xuất nông nghiệp, nâng lên mức tăng trưởng khu vực Nông - Lâm - Thủy sản đạt và vượt nghị quyết đề ra với tinh thần tăng tốc. Trọng tâm là việc đầu tư phát triển hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp như: hệ thống thủy nông đầu mối, hệ thống thủy lợi nội đồng đáp ứng cho yêu cầu sản xuất trong điều kiện ứng phó biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn; chuyển giao công nghệ, kỹ thuật mới vào sản xuất, chọn công tác giống, kỹ thuật canh tác làm giải pháp đột phá để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất nông nghiệp.

- Liên kết nông dân lại, tổ chức lại sản xuất hàng hóa với qui mô lớn hơn có liên kết với doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, sản xuất theo yêu cầu của thị trường với phương thức sản xuất theo chuỗi giá trị.

- Nâng cao chất lượng xây dựng xã nông thôn mới dựa vào việc phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng xã nông thôn mới, phát triển hạ tầng thiết yếu trọng tâm là phát triển sản xuất, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người dân nông thôn, phát triển xã hội nông thôn tạo nguồn nội lực để huy động xây dựng xã nông thôn mới bền vững.

- Ưu tiên kêu gọi đầu tư sản xuất công nghiệp chế biến Nông-Lâm-Thủy sản chất lượng cao gắn hỗ trợ phát triển nông nghiệp, tạo quỹ đất sạch để kêu gọi đầu tư vào khu, cụm công nghiệp. Quản lý quy hoạch hệ thống chợ nông thôn, chuyển đổi mô hình quản lý chợ có hiệu quả, huy động nguồn lực đầu tư nâng cấp hạ tầng chợ nông thôn, mạnh dạn xóa chợ tự phát gây ách tắc giao thông và ô nhiễm môi trường, tăng cường công tác quản lý thị trường, phòng chống gian lận thương mại, ổn định lành mạnh thị trường và quản lý tốt việc bán hàng đa cấp.

- Tăng cường công tác truyền thông nâng cao trách nhiệm các ngành, các cấp, cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường, đảm bảo 100% doanh nghiệp sản xuất trong khu công nghiệp Giao Long, khu công nghiệp An Hiệp, trong các cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh cam kết bảo vệ tốt môi trường và thực hiện quan trắc môi trường theo qui định pháp luật.

- Có biện pháp cụ thể xử lý ô nhiễm môi trường tại các bãi rác ú đọng, ô nhiễm trong vùng chăn nuôi gia súc, ô nhiễm tại các chợ nông thôn, ô nhiễm tại các làng nghề và vấn đề nhiễm bẩn nông sản thực phẩm.

- Rà soát thu hồi, quản lý diện tích đất công, đất bãi bồi, cồn mới nổi trên sông, ven biển do các cá nhân, tổ chức chiếm hữu sử dụng trái pháp luật trên địa bàn tỉnh.

## **II. Kết quả thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2017 và dự kiến kế hoạch vốn đầu tư năm 2018**

### **1. Kết quả thực hiện năm 2017:**

- Ước thực hiện vốn đầu tư phát triển toàn xã hội là 15.253.478 triệu đồng, đạt 98% kế hoạch, bằng 111% so cùng kỳ.

- Ước giải ngân các nguồn vốn đến cuối năm 2017 là 2.057.478/2.264.922 triệu đồng, đạt 90,84% so với kế hoạch năm 2017, trong đó:

- + Vốn cân đối ngân sách địa phương 365.300 triệu đồng, đạt 94,61%.
- + Vốn từ nguồn sử dụng đất 97.000 triệu đồng, đạt 97%.
- + Vốn hỗ trợ có mục tiêu của Trung ương 235.080 triệu đồng, đạt 93,26%.
- + Vốn xổ số kiến thiết là 1.147.500 triệu đồng, đạt 93,75%.
- + Vốn chương trình mục tiêu quốc gia đạt 148.598 triệu đồng, đạt 83,31%.
- + Vốn nước ngoài đạt 49.000 triệu đồng, đạt 73,74%.
- + Vốn bội chi ngân sách nhà nước đạt 15.000 triệu đồng, đạt 25,91%.

- Tổng vốn được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân từ năm 2016 sang năm 2017 là 68.390 triệu đồng. Ước giải ngân các nguồn vốn đến cuối năm 2017 là 68.390 triệu đồng, đạt 100% so kế hoạch.

Ban Kinh tế-Ngân sách thống nhất nhận định của Ủy ban nhân dân tỉnh dự kiến đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ có 150 dự án, công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước hoàn thành đưa vào sử dụng, góp phần gia tăng năng lực cho các ngành, nhất là trong lĩnh vực sản xuất, tác động tích cực đến phát triển kinh tế-xã hội tỉnh nhà, nhưng Ủy ban nhân dân tỉnh chưa đánh giá được những tồn thất, lãng phí, gây ảnh hưởng tiêu cực đối với xã hội như một số công trình mất nhiều thời gian trong việc lập kế hoạch đấu thầu, thiết kế bản vẽ thi công-dự toán, điều chỉnh nguồn vốn; một số dự án chất lượng thi công chưa đạt yêu cầu thiết kế, gây dư luận không tốt; trong mua sắm đấu thầu còn nhiều vấn đề bất cập dẫn đến khiếu nại; công tác giám sát của chủ đầu tư còn hình thức, chưa phản ánh đúng, chính xác thực tiến đầu tư; công tác thông tin, báo cáo của một số ngành, địa phương, chủ đầu tư chưa kịp thời, chưa đầy đủ, chất lượng báo cáo chưa cao; chưa đề xuất được các giải pháp có hiệu quả về quản lý đầu tư xây dựng, huy động nguồn vốn đầu tư từ các nguồn nguồn lực khác mà chủ yếu kiến nghị phân bổ vốn từ ngân sách nhà nước cho các ngành, địa phương mình. Trong đó có 16 dự án không giải ngân được trong năm 2017 và không đủ điều kiện ghi vốn năm 2018.

## **2. Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn đầu tư năm 2018:**

Ban Kinh tế-Ngân sách thống nhất với mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu và nguyên tắc phân bổ vốn năm 2018 được nêu trong báo cáo. Đề nghị bổ sung một nguyên tắc phân bổ năm 2018: “điều chuyển, kiên quyết không bố trí vốn đối với các công trình, dự án giải ngân không đúng theo tiến độ trong 6 tháng đầu năm”. Lý do: thường lệ vào kỳ họp giữa năm, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết điều chỉnh vốn xây dựng cơ bản, qua đó đối với các dự án, công trình chưa đủ điều kiện giải ngân thì kiên quyết điều chuyển hoặc không bố trí vốn.

Theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020, thì tất cả các nguồn vốn trong kỳ kế hoạch này đã được phân bổ chi tiết. Do vậy, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cân nhắc việc phải bổ sung danh mục, bổ sung vốn xố số kiến thiết năm 2018 là 45.000 triệu đồng, để thanh toán khối lượng cho các công trình hoàn thành (trước đây dự kiến sử dụng nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước năm 2016 để thực hiện, theo Quyết định số 1872/QĐ-BKHĐT ngày 23 tháng 12 năm 2016 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển năm 2017 và công văn số 1199/BKHĐT-TH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

### **III. Kết quả ước thực hiện thu, chi ngân sách năm 2017; dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2018**

#### **1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2017:**

Ước thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2017 là 3.273.094 triệu đồng, đạt 103,6% so với dự toán và bằng 111,7% so với cùng kỳ năm 2016. Có 11/16 khoản thu, sắc thuế thu đạt khá so với tiến độ dự toán:

- Các khoản thu không đạt so tiến độ dự toán: thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương: 195.000 triệu đồng, đạt 95,12% dự toán, so cùng kỳ bằng 103,47%; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 100.000 triệu đồng, đạt 95,24% dự toán, so cùng kỳ bằng 92,56%; thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh: 539.500 triệu đồng, đạt 89,07% dự toán, so cùng kỳ bằng 113,60%; thuế sử dụng đất nông nghiệp: 1.200 triệu đồng, đạt 80,00% so với dự toán, bằng 76,00% so với cùng kỳ; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 6.500 triệu đồng, đạt 86,67% dự toán, so cùng kỳ bằng 89,02%.

- Các khoản thu không giao dự toán: thu tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước 2.500 triệu đồng; thu cổ tức, lợi nhuận được chia: 10.500 triệu đồng.

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên đảm bảo theo tiến độ dự toán được giao. Ước thực hiện năm 2017 là 4.546.032 triệu đồng, đạt 108,9% dự toán được giao, bằng 136,2% so cùng kỳ năm 2016. Thu bổ sung đạt cao do trong kỳ trung ương có bổ sung mục tiêu ngoài dự toán để thực hiện các chế độ, chính sách quy định và các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác.

## **2. Tình hình chi ngân sách địa phương năm 2017:**

Ước tổng chi cân đối ngân sách địa phương năm 2017 là 7.587.966 triệu đồng, đạt 105,9% so dự toán, so với cùng kỳ năm 2016 bằng 118,4%:

- Ước thực hiện chi thanh toán khối lượng xây dựng cơ bản năm 2017 là 1.667.260 triệu đồng, đạt 104,7% so với dự toán.

- Ước thực hiện chi thường xuyên năm 2017 là 5.246.796 triệu đồng, đạt 107,7% so với dự toán, so với cùng kỳ năm 2016 bằng 119,0%.

Nhìn chung, trong điều hành, quản lý thu, chi ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện quản lý ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, đã đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ chi theo tiến độ dự toán được giao, ưu tiên thực hiện chính sách an sinh xã hội, an ninh-quốc phòng, giáo dục-đào tạo, thanh toán khối lượng đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành và thực hiện các nhiệm vụ phát sinh đột xuất, cần thiết, cấp bách khác.

Trong năm 2017, có 11 khoản thu, sắc thuế đạt khá so với tiến độ, có 05 khoản thu, sắc thuế không đạt dự toán. Để đảm bảo việc thu đúng, thu đủ và nuôi dưỡng nguồn thu, Ban Kinh tế-Ngân sách có một số lưu ý:

- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cơ quan tài chính làm chủ trì cùng các cơ quan khác có liên quan lập phương án thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân và các khoản đóng góp của nhân dân theo quy định của Luật phí, lệ phí, Luật ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan để sớm trình Hội đồng nhân dân.

- Cần xem xét tính bền vững đối với các khoản thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, nhất là khoản thu thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh.

- Thực hiện nghiêm quy trình thanh toán khối lượng hoàn thành đối với các công trình xây dựng cơ bản, tránh tình trạng công trình đã quyết toán nhưng chưa tất toán.

### **3. Dự toán thu ngân sách năm 2018:**

- Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn Trung ương giao cho tỉnh Bến Tre là 3.599.900 triệu đồng, địa phương phấn đấu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn là 3.700.000 triệu đồng. Theo đó, thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp là 3.442.300 triệu đồng, tăng 98.100 triệu đồng so với dự toán trung ương giao.

- Dự kiến thu bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm 2018 là 5.490.977 triệu đồng.

- Dự kiến tổng chi ngân sách địa phương năm 2018 Trung ương giao là 8.840.377 triệu đồng, địa phương phấn đấu 8.938.477 triệu đồng.

### **4. Dự toán phương án phân bổ chi ngân sách địa phương 2018:**

Trên cơ sở thu ngân sách nhà nước địa phương được hưởng theo phân cấp và số bổ sung từ ngân sách trung ương. Tổng dự toán chi ngân sách địa phương năm 2018 là 8.938.477 triệu đồng. Cụ thể:

- Chi cân đối ngân sách địa phương: 7.070.667 triệu đồng.

- Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và một số chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác: dự toán 1.867.810 triệu đồng.

Việc lập kế hoạch tài chính 03 năm 2018-2020 là thực hiện đúng theo Nghị định 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính-ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm và Thông tư 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính-ngân sách nhà nước 03 năm.

### **IV. Quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2016**

- Ban Kinh tế-Ngân sách thống nhất với nhận định của Ủy ban nhân dân tỉnh về tổng thể thì kết quả thực hiện nhiệm vụ thu cân đối ngân sách nhà nước năm 2016 đạt 109,28% so với Trung ương giao, đạt 101,39% so với dự toán địa phương giao. Có 11/13 khoản thu, sắc thuế thu vượt dự toán Trung ương giao, chủ yếu tập trung vào khoản thu từ lệ phí trước bạ, thu tiền sử dụng đất và cho thuê mặt đất, mặt nước.

- Nếu đánh giá tính cân đối ngân sách, sau khi loại trừ khoản thu từ tiền sử dụng đất thì thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn chỉ đạt 101,47% so với dự



toán Trung ương giao và đạt 96,97% dự toán địa phương giao, hụt thu 3,03%. Đặc biệt, tỉnh đã sử dụng nguồn kết dư ngân sách năm trước để đảm bảo cho nhiệm vụ chi theo dự toán, có trường hợp phải hủy dự toán đối với các đơn vị đã kết thúc nhiệm vụ chi hoặc những nhiệm vụ chi đến 30 tháng 6 năm 2016 chưa triển khai thực hiện.

- Theo báo cáo quyết toán thì có 02 khoản thu không đạt dự toán: thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp. Trong 02 khoản thu này đáng quan tâm là khoản thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh chỉ đạt 84,78% so dự toán Trung ương giao (490.424/578.500 triệu đồng), đạt 78,50% so với dự toán địa phương giao (490.424/624.720 triệu đồng). Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh nguyên nhân không đạt dự toán là do đa số các doanh nghiệp ở khu vực này thuộc loại siêu nhỏ, nhỏ và vừa, đặc biệt là nguồn vốn ít, công nghệ lạc hậu, sản xuất còn mang tính truyền thống, năng lực sản xuất kinh doanh kém, sản phẩm sản xuất ra chất lượng thấp, khó cạnh tranh.

- Về tổng chi ngân sách địa phương quản lý năm 2016 là 9.396.708 triệu đồng. Trong đó, chi cân đối ngân sách địa phương 6.032.381 triệu đồng, đạt 135,73% dự toán Trung ương giao và đạt 125,97% dự toán địa phương. Trong đó, chi cho an ninh-quốc phòng đạt 133.158 triệu đồng đạt 163,79% so với dự toán địa phương giao.

Để có cơ sở đại biểu thảo luận, cho ý kiến, Ban Kinh tế-Ngân sách nêu lên một số vấn đề để đại biểu tham khảo:

- Thời gian qua, Trung ương, địa phương đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp trên địa bàn, nhất là đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Với nhận định của Ủy ban nhân dân tỉnh (..đa số các doanh nghiệp ở khu vực này thuộc loại siêu nhỏ, nhỏ và vừa, đặc biệt là nguồn vốn ít, công nghệ lạc hậu, sản xuất còn mang tính truyền thống, năng lực sản xuất kinh doanh kém, sản phẩm sản xuất ra chất lượng thấp, khó cạnh tranh...), như vậy các chính sách đã ban hành có được triển khai và thực hiện đối với các doanh nghiệp này không? Các chính sách thuộc địa phương có còn phù hợp hay cần phải sửa đổi cho phù hợp? Giải pháp cho thời gian tới.

- Định mức chi cho quốc phòng, an ninh được giao cho Ủy ban nhân dân huyện, thành phố là quá thấp so với yêu cầu nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh của từng địa phương, nhất là trong tình hình hiện nay vấn đề an ninh trật tự diễn biến ngày càng phức tạp, trong khi đó nguồn thu ngân sách địa phương hàng năm gặp nhiều khó khăn, dẫn đến nhiều địa phương không đảm bảo nguồn chi cho an ninh, quốc phòng. Đối với các xã, thị trấn, theo dự toán ngân sách giao cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh phần lớn không đảm bảo cân đối chi cho các nhiệm vụ sau: hỗ trợ cho công tác huấn luyện dân quân và các lực lượng giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn xã, hỗ trợ mua sắm phương tiện, trang thiết bị cần thiết cho lực lượng giữ gìn an ninh trật tự, chi bồi dưỡng cho lực lượng làm công tác bảo vệ an ninh trật tự,

công tác tuyên truyền vận động phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc và hỗ trợ cho công tác tuyển quân.

#### V. Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2017 trên địa bàn tỉnh Bến Tre

Ban Kinh tế-Ngân sách đồng tình với nhận định của Ủy ban nhân dân tỉnh về hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí được nêu trong báo cáo. Tuy nhiên, để đại biểu có cơ sở thảo luận, Ban Kinh tế-Ngân sách đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm thêm một số vấn đề như sau:

- Qua công tác thanh kiểm tra và xét duyệt, thẩm định quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2016 thuộc ngân sách cấp tỉnh, phát hiện 10 cơ quan, đơn vị, địa phương vẫn còn lãng phí trong sử dụng vốn ngân sách như chi sai tiêu chuẩn, định mức chế độ quy định, sử dụng vốn không đúng mục đích, chi vượt dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đề nghị cho biết cơ quan chức năng đã tiến hành thanh kiểm tra và xét duyệt bao nhiêu cơ quan, đơn vị.../10 cơ quan, đơn vị, địa phương đã phát hiện sai phạm. Trong số các sai phạm này có bao nhiêu trường hợp do lỗi chủ quan, khách quan. Năm 2017, có tiến hành thanh kiểm tra lại đối với đơn vị này không? Đề qua đó có đối chiếu, khắc phục những sai phạm của năm 2016.

- Năm 2017, đã thực hiện xử lý theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước niên độ ngân sách 2015 đối với quản lý chi đầu tư xây dựng cơ bản số tiền 1.409 triệu đồng. Số tiền chưa thu hồi được là bao nhiêu, nguyên nhân?

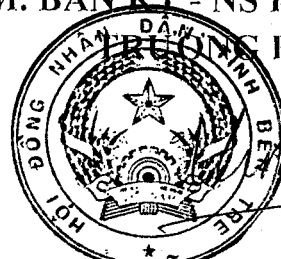
- Trên địa bàn tỉnh có 38.907,30 m<sup>2</sup> đất sử dụng không đúng mục đích; 293 thửa với diện tích 143,99 ha đất công chưa được xác lập pháp lý; các tổ chức được nhà nước giao đất, cho thuê đất nhưng sử dụng đất không đúng mục đích, cho thuê, cho mượn, chuyển nhượng trái pháp luật, bị lấn chiếm là 238 thửa; 240 thửa đất đang tranh chấp, lấn chiếm, cho mượn; 1.197 trường hợp đất công có người dân đang sử dụng. Các sự việc trên phần nào đã gây ra lãng phí rất lớn đối với xã hội, cần được phân tích, đánh giá và giải pháp xử lý có hiệu quả.

Trên đây là tóm tắt các báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thảo luận và quyết định./...

#### Nơi nhận:

- Đại biểu dự họp;
- Đại biểu khách mời;
- Trang TTĐT-HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

TM. BAN KT - NS HĐND TỈNH



Nguyễn Văn Quới